TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ MỸ THO** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **12**/2020/DS-ST
Ngày: 20-5-2020;
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ MỸ THO, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Mai Thị Mỹ Trang;**

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông **Lê Văn Kiệt**.

- Ông **Nguyễn Thanh Sang**.

- *Thư ký phiên tòa*: Ông **Nguyễn Tuấn Tín -** Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho.

Ngày 20 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 407/2019/TLST-DS ngày 04 tháng 12 năm 2019 về tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2020/QĐXXST-DS ngày 17 tháng 4 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 17/2020/QĐST-DS ngày 12 tháng 5 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Ngân hàng TMCP S;**

Trụ sở: số 266-268 đường N, phường 8, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo pháp luật: Nguyễn Thị Thạch D – Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Đại diện ủy quyền: Nguyễn Văn G – Chức vụ: Giám Đốc Ngân hàng TMCP S chi nhánh Tiền Giang.

Địa chỉ: số 6 đường Đ, phường 2, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

Ông Nguyễn Văn G ủy quyền lại cho ông Phan Thành L – Chức vụ: Chuyên viên quản lý nợ – Chi nhánh Tiền Giang.

2. Bị đơn: **Nguyễn Thanh T**, sinh năm 1962;

Địa chỉ: số 156A10 ấp 3, xã T, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

(Anh L có mặt, anh T vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện của Ngân hàng TMCP S và các lời trình bày tại Tòa, đại diện ủy quyền anh Phan Thành L trình bày:

Vào ngày 10/10/2012, Ngân hàng TMCP S (gọi tắt là Ngân hàng T) và anh Nguyễn Thanh T có ký hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng dưới hình thức là giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng. Căn cứ vào thu nhập của anh T, Ngân hàng đồng ý cấp cho anh T thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng thẻ là 50.000.000 đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp thẻ tín dụng, tính đến ngày Ngân hàng chuyển sang nợ quá hạn (ngày 22/4/2018) anh T đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 100.640.000 đồng, tiền lãi là 65.230.774 đồng và tiền phí là 4.511.436 đồng. Tính đến ngày 22/4/2018, anh T đã thanh toán cho Ngân hàng 141.731.000 đồng bao gồm 74.700.151 đồng tiền vốn và 67.030.849 đồng tiền lãi và phí. Sau khi quá hạn cho đến ngày 22/11/2018, anh T tiếp tục thanh toán 500.000 đồng cho ngân hàng, kể từ đó cho đến nay, anh T ngưng không thanh toán cho ngân hàng.

Do anh T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng yêu cầu anh T trả cho Ngân hàng số tiền vốn là 24.439.849 đồng, lãi trong hạn là 2,50%, lãi quá hạn là 150% lãi suất trong hạn. Ngân hàng tạm tính tiền lãi đến ngày 14/10/2019 gồm: lãi trong hạn 2.711.361 đồng và lãi quá hạn 19.133.935 đồng.

Ngân hàng yêu cầu anh T trả cho Ngân hàng số tiền 47.285.145 đồng ngay khi án có hiệu lực pháp luật và sau ngày 14/10/2019 nếu anh T không trả tiền cho Ngân hàng thì phải trả tiền lãi, lãi chậm trả của hợp đồng tín dụng nêu trên cho đến khi trả xong nợ cho ngân hàng.

* Bị đơn anh Nguyễn Thanh T đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa. Anh T đã trực tiếp nhận các văn bản tố tụng nêu trên nhưng anh T vẫn vắng mặt không lý do và cũng không gởi văn bản trình bày ý kiến cho Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét toàn diện các chứng cứ, ý kiến của các đương sự.

[1] Xét quan hệ tranh chấp giữa Ngân hàng TMCP S và anh Nguyễn Thanh T thuộc tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản", ngân hàng và anh T thỏa thuận cho vay với mục đích là tiêu dùng cá nhân. Căn cứ khoản 3 Điều 26 và điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Bị đơn anh Nguyễn Thanh T đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh T.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy: Căn cứ Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 10/10/2012 được ký giữa Ngân hàng TMCP S và anh Nguyễn Thanh T là hợp pháp, tự nguyện, không có dấu hiệu bị đe dọa hay ép buộc, không trái pháp luật. Sau khi được cấp thẻ tín dụng tính đến ngày Ngân hàng chuyển sang nợ quá hạn (ngày 22/4/2018) anh T đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 100.640.000 đồng, tiền lãi là 65.230.774 đồng và tiền phí là 4.511.436 đồng. Tính đến ngày 22/4/2018, anh T đã thanh toán cho Ngân hàng 141.731.000 đồng bao gồm 74.700.151 đồng tiền vốn và 67.030.849 đồng tiền lãi và

phí. Kể từ đó cho đến nay, anh T không thanh toán tiền cho ngân hàng nữa. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình, Ngân hàng đã nộp cho Tòa các chứng cứ gồm: Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng (bản sao); Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng thương mại cổ phần S (bản sao); Giấy chứng minh nhân dân và sổ hộ khẩu của anh Nguyễn Thanh T (photo); Bảng kê tính lãi. Xét các chứng cứ mà nguyên đơn nộp cho Tòa đều có chữ ký của anh T, phù hợp với lời khai của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn. Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ kiện, anh T đã trực tiếp nhận các văn bản tố tụng của Tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do là từ bỏ quyền chứng minh của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho thấy anh T không có thiện chí trả nợ cho ngân hàng. Ngân hàng TMCP S yêu cầu anh T trả số tiền 54.991.536 đồng (Trong đó có 25.439.849 đồng tiền vốn, 2.711.361 đồng tiền lãi trong hạn và 26.840.326 đồng tiền lãi quá hạn tính đến ngày 20/5/2020).

Ngân hàng yêu cầu anh T trả tiền vốn và tiền lãi khi bản án có hiệu lực là có căn cứ. Từ nhận định trên, xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S là có căn cứ và phù hợp quy định tại Điều 90, Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 463 và Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015.

[4] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S được chấp nhận nên căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Ngân hàng TMCP S không phải chịu án phí sơ thẩm. Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Uỷ Ban Thường Vụ Quốc Hội ngày 30 tháng 12 năm 2016, anh Nguyễn Thanh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Căn cứ Điều 463 và Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 90, Điều 91, Điều 95 và Điều 98 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010;

- Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UNTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện Ngân hàng TMCP S.

Buộc anh Nguyễn Thanh T có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP S số tiền 54.991.536 đồng (Trong đó có 25.439.849 đồng tiền vốn, 2.711.361 đồng tiền lãi trong hạn và 26.840.326 đồng tiền lãi quá hạn tính đến ngày 20/5/2020). Thời gian trả tiền ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử, anh T phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số dưới hình thức là Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng được ký ngày 10/10/2012 được ký giữa Ngân hàng TMCP S và anh Nguyễn Thanh T.

Về án phí: Anh Nguyễn Thanh T phải chịu 2.749.577 đồng (Hai triệu bảy trăm bốn mươi chín nghìn năm trăm bảy mươi bảy đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại cho Ngân hàng TMCP S số tiền 1.182.128 đồng (Một triệu một trăm tám mươi hai nghìn một trăm hai mươi tám đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000672 ngày 04/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

Đương sự có mặt tại phiên được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

**** Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND Tp Mỹ Tho;
- Chi cục THADS Tp Mỹ Tho;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Mai Thị Mỹ Trang